

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu liên hợp xử lý chất thải Sông Công, xã Tân Quang, thành phố Sông Công**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về Quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07/2016/BXD về các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình quản lý chất thải rắn và Nhà vệ sinh công cộng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016;

Căn cứ Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 24/11/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc bãi bỏ Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 19/8/2005 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu chôn lấp chất thải rắn thị xã Sông Công;

Căn cứ Văn bản số 2857/SXD-QLKTQH ngày 27/11/2017 của Sở Xây dựng Thái Nguyên về việc ý kiến về đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ

1/500 khu liên hiệp xử lý chất thải Sông Công, tại xã Tân Quang, thành phố Sông Công;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Môi trường Sông Công tại Tờ trình số 1210/TTr-MTSC ngày 12/10/2017; của phòng Quản lý đô thị tại Báo cáo kết quả thẩm định số 254/TĐQH-QLĐT ngày 18/10/2017,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu liên hợp xử lý chất thải Sông Công với nội dung như sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu liên hợp xử lý chất thải Sông Công.

**2. Địa điểm quy hoạch:** Tại xã Tân Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

**3. Ranh giới lập quy hoạch:**

Phía Đông, Tây, Nam, Bắc giáp đất ruộng, đất đồi và đất trồng cây lâm nghiệp;

**4. Quy mô:** Diện tích quy hoạch: 26,5ha.

**5. Tính chất:**

Là khu liên hợp xử lý chất thải được đầu tư đồng bộ, dây chuyền công nghệ hiện đại phục vụ xử lý rác thải thông thường và rác thải nguy hại trên địa bàn thành phố Sông Công và các huyện, thành phố khác của tỉnh Thái Nguyên.

**6. Phân khu chức năng, quy hoạch sử dụng đất đai và bố cục không gian kiến trúc cảnh quan:**

**6.1. Phân khu chức năng:**

- + Đất công cộng.
- + Đất cây xanh, mặt nước.
- + Đất công nghiệp.
- + Đất xây dựng hệ thống giao thông và bãi đỗ xe.

**6.2. Quy hoạch sử dụng đất:**

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích	Tỷ lệ
			m <sup>2</sup>	%
1	Đất công cộng	CC	8.631,0	3,26
2	Đất cây xanh	CX	92.216,7	34,80
3	Đất tái chế CTR	TCCTR	8.482,7	3,20
4	Đất xử lý sinh học	XLSH	4.567,6	1,72
5	Đất lò đốt chất thải rắn	LĐCTR	13.100,0	4,94
6	Đất chôn lấp chất thải rắn	CLCTR	23.545,9	8,89
7	Đất tiếp nhận, chứa và phân loại, xử lý rác công nghiệp	PLRTC�	14.155,9	5,34
8	Đất tiếp nhận và phân loại rác sinh hoạt	PLRSH	4.888,1	1,84

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích	Tỷ lệ
			m <sup>2</sup>	%
9	Đất xử lý bụi lò và xử lý bùn nguy hại	XLBL	6.256,8	2,36
10	Đất xử lý nước thải và phân bùn bể phốt	XLNTPB	8.950,7	3,38
11	Đất mặt nước	MN	14.209,9	5,36
12	Đất giao thông	GT	57.258,9	21,61
13	Đất bên bãi	BB	4.311,2	1,63
14	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	4.432,2	1,67
	<b>Tổng diện tích đất lập quy hoạch</b>		<b>265.007,6</b>	<b>100,00</b>

### **6.3. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan:**

- Thiết kế không gian kiến trúc cảnh quan trong khu vực quy hoạch mang tính chất một khu công nghiệp...dựa trên ý tưởng thiết kế các khoảng không gian đóng, mở, kết hợp hài hoà giữa các công trình nhà xưởng sản xuất, nhà kho lưu trữ thấp tầng với các công trình nhà điều hành – quản lý, các khu cây xanh.

- Không gian kiến trúc cảnh quan chính của khu vực được nghiên cứu tổ chức khai thác ở các khu vực bố trí công trình có giá trị kiến trúc bám dọc các trục đường giao thông nội bộ trong khu liên hợp xử lý chất thải.

- Thiết kế quy hoạch đưa ra các quy định kiểm soát phát triển hợp lý cho từng lô đất và các khu vực chức năng khác, bao gồm các quy định về tầng cao trung bình, mật độ xây dựng, các khoảng lùi trong xây dựng công trình để đưa ra một giải pháp quy hoạch hiệu quả nhất đồng thời đảm bảo cho tính thống nhất mỹ quan các khu chức năng.

- Khu vực cây xanh cách ly được bố trí bao bọc khu xử lý rác thải được nghiên cứu đảm bảo khoảng cách cách ly, vệ sinh môi trường với các khu vực lân cận, đồng thời góp phần cho không gian kiến trúc cảnh quan của khu xử lý rác trở lên mềm mại và thân thiện với môi trường.

## **7. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.**

### **7.1. Quy hoạch giao thông:**

Giao thông trong ranh giới khu quy hoạch gồm 3 mặt cắt cấp đường khác nhau, trong đó:

- Mặt cắt 1-1: Chiều rộng lộ giới đường: 22,0m (lòng đường: 2x7,0m = 14,0m; rải phân cách: 2,0m; Vía hè: 2x3,0 = 6,0m).

- Mặt cắt 2-2: Chiều rộng lộ giới đường: 13,0m (lòng đường: 7,0m; Vía hè: 2x3,0 = 6,0m).

- Mặt cắt 3-3: Chiều rộng lộ giới đường: 5,5m (lòng đường: 3,5m; Lề đường: 2x1,0 = 2,0m).

### **7.2. Quy hoạch san nền, chuẩn bị kỹ thuật:**

- Cao độ không chế san nền của khu vực bám theo cốt nền đường hiện trạng đã ổn định, đảm bảo khớp nối đồng bộ giữa khu vực xây dựng mới và các khu vực xung quanh có liên quan.

- Địa hình của khu vực quy hoạch chủ yếu là đồi núi. Cao độ tự nhiên thay đổi nhanh chóng từ trên đỉnh đồi dọc theo các sườn đồi đến khu ruộng chũng, cao độ thay đổi từ 44.86 đến 17.57, độ dốc hiện trạng là rất lớn. Do địa hình ở khu vực nghiên cứu lập quy hoạch tương đối phức tạp và thay đổi cao độ cục bộ lớn, nên khi thiết kế san nền tạo ra một bề mặt địa hình thuận lợi cho xây dựng công trình, đảm bảo thoát nước và giao thông được an toàn, thuận tiện và không làm ảnh hưởng lớn đến địa hình tự nhiên xung quanh. Giải pháp san nền là tạo mặt bằng xây dựng cho toàn bộ khu vực lập quy hoạch sao cho đảm bảo cân bằng khối lượng đào đắp.

- Hướng dốc chính san nền giữ theo hướng dốc của nền địa hình tự nhiên, hướng từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây.

- Độ dốc các khu đất san nền từ  $I_{min} = 0,18\%$  đến  $I_{max} = 0,41\%$ , độ dốc nhỏ và ít thay đổi thuận tiện cho việc xây dựng các nhà xưởng, kho chứa.

### **7.3. Quy hoạch thoát nước mưa:**

- Thiết kế phân tán theo dạng cành cây cho từng lưu vực nhỏ theo nguyên tắc đảm bảo thoát nước nhanh nhất, không gây ngập úng cho các khu vực quy hoạch.

- Nước mưa tại các khu đất xây dựng được tập trung vào các điểm trũng, rồi chảy vào hệ thống mương rãnh nắp đan B600, B800, B1000 dọc đường giao thông quy hoạch. Một phần nước mưa sau đó được đổ vào hồ nước sinh thái, khi mực nước trong hồ đạt cao độ mực nước trung bình là 27.20 thì sẽ chảy vào tuyến 2 cống hộp BxH = 1000x1000. Một phần nước mưa còn lại tiếp tục được thu gom và chảy theo hệ thống mương, rãnh nắp đan B600, B800 rồi đổ trực tiếp vào tuyến mương hở kê đá (chiều rộng đáy mương rộng 2m). Tất cả nước mưa của khu vực sau khi đổ vào tuyến mương hở sẽ chảy ra cửa xả nằm tại phía nam của khu vực nghiên cứu lập quy hoạch, xả ra mương hiện trạng đã có.

- Kết cấu mương, cống thoát nước sử dụng bao gồm: Cống bản nắp đan B600, B800; Cống hộp BxH=1000x1000; Mương hở kê đá 2 bờ (chiều rộng đáy mương rộng 2m).

- Dọc theo các tuyến cống xây dựng các hố tụ, hố ga kết hợp hố thăm kiểm tra chế độ làm việc của hệ thống. Khoảng cách các hố ga trung bình khoảng 30-45m tùy theo độ dốc đáy cống.

### **7.4. Quy hoạch cấp nước, PCCC:**

#### **a) Giải pháp cấp nước:**

- Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt và nhu cầu sử dụng nước sản xuất cung cấp cho các nhà xưởng.

- Dự kiến xây dựng 2 khu xử lý nước:

+ Khu xử lý nước sản xuất dự kiến được đặt tại phía Nam của khu vực nghiên cứu, công suất đảm bảo theo công suất tính toán  $Q_{tt} = 500m^3/ngđ$ , nguồn cấp nước cho khu xử lý nước sản xuất được lấy từ 2 nguồn (lấy nước từ các

giếng khoan và lấy nước từ hồ nước cảnh quan, nước tái sử dụng...), nước qua xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ được đưa vào sử dụng trong sản xuất.

+ Khu xử lý nước sinh hoạt dự kiến được đặt tại phía Bắc khu vực nghiên cứu, công suất đảm bảo theo công suất tính toán  $Q_{tt} = 9\text{m}^3/\text{ngđ}$ , nguồn cấp nước cho khu xử lý này được lấy từ nguồn nước tại các giếng khoan, nước sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ được đưa vào cung cấp nước sinh hoạt cho khu vực nhà hành chính, nhà ở công nhân.

*b) Mạng lưới đường ống cấp nước.*

- Nguồn nước sau khi xử lý được bơm lên bể chứa nước đặt tại vị trí có cao độ thuận lợi cho việc truyền dẫn nước sinh hoạt và nước sản xuất.

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế theo sơ đồ mạng lưới cụt, chạy dọc theo trục đường giao thông chính của khu quy hoạch.

- Mạng lưới đường ống phân phối được đấu nối với hệ thống các đường ống truyền dẫn quy hoạch, phân phối nước vào đến từng công trình trong toàn khu quy hoạch. Đường ống truyền tải là ống nhựa UPVC D110; HDPE D63.

*c) Hệ thống cấp nước chữa cháy.*

- Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế kết hợp với hệ thống cấp nước sản xuất. Số đám cháy đồng thời trong khu vực tính toán 01 đám cháy, lưu lượng cấp nước chữa cháy tính cho 01 đám cháy là 15 l/s, thời gian dập tắt đám cháy là 3h. Trong khu quy hoạch bố trí 5 trụ cứu hỏa đặt nối ở các vị trí gần ngã ba, ngã tư thuận tiện cho xe lấy nước chữa cháy, khoảng cách giữa các trụ tối đa là 150m.

**7.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng:**

*a) Giải pháp cấp điện*

Dịch chuyển đường điện trung thế 22KV hiện trạng, đồng thời di chuyển trạm biến áp 22/0,4-400KVA đã có đến phía Bắc của khu vực nghiên cứu và xây mới 2 trạm biến áp dự kiến công suất 22/0,4 KV – 1500KVA. Tổng công suất dự kiến của 3 trạm biến áp là  $Q_{dk} = 3.400\text{KVA}$  được xác định dựa trên thực tế hoạt động của dây truyền, công nghệ sản xuất các khu nhà xưởng và nhu cầu phát triển nâng cao công suất hoạt động của nhà máy trong tương lai gần.

*b) Lưới điện phân phối.*

- Lưới điện trung thế 22KV: Được dịch chuyển từ đường trung thế 22KV đã có, sử dụng cáp điện trung thế đi nổi trên cột bê tông ly tâm cao từ 9m-12m chạy dọc theo tuyến đường giao thông thuộc mặt cắt 2-2 (dọc phía Đông của khu vực nghiên cứu lập quy hoạch). Cấp nguồn điện trung thế 22KV đến vị trí các trạm biến áp dự kiến xây dựng.

- Lưới hạ thế 0,4KV: Lưới 0,4 KV được tổ chức theo hình tia, sử dụng cáp điện đi nổi trên các cột điện bê tông ly tâm cao từ 5m-8m, cáp điện từ trạm biến áp khu vực đến từng tủ điện hạ thế, đặt gần các khu nhà xưởng, nhà kho, công trình hành chính, nhà ở công nhân...

- Lưới chiếu sáng: Cấp điện chiếu sáng cho khu vực nghiên cứu quy hoạch sử dụng cấp điện đi nổi trên cột bê tông ly tâm chung với lưới điện hạ thế 0,4KV. Đèn chiếu sáng sử dụng đèn Nari cao áp 250W, khoảng cách trung bình các đèn chiếu sáng là 30m.

#### **7.6. Quy hoạch thông tin liên lạc:**

Nguồn cấp: Theo quy hoạch tổng thể khu vực quy hoạch thuộc phạm vi phục vụ của tổng đài bưu điện thành phố Sông Công. Từ tổng đài này bố trí các tuyến cáp đến tủ cáp đặt tại khu vực nhà Hành chính và nhà ở công nhân.

#### **7.7. Quy hoạch thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn.**

##### **a) Giải pháp thoát nước thải.**

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng.
- Nước thải từ các công trình nhà hành chính, nhà ở công nhân sẽ được thu gom theo các đường ống thoát nước thải D110 đến các bể tự hoại, nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sau đó nước thải được chuyen dẫn bằng cống tròn BTCT D300 đầu nổi vào hệ thống thoát nước thải chung.
- Nước thải từ các xưởng sản xuất được chuyển đến các tuyến cống thoát nước thải D110 được xây dựng ở từng khu vực của mỗi nhà xưởng, sau đó đổ vào các tuyến chính, tập trung về hệ thống xử lý nước thải, cụm bể xử lý nước thải chung của khu vực. Mạng lưới đường ống thoát nước thải gồm các hố thu, hố thăm, cống D110 có nhiệm vụ thu gom và truyền dẫn đưa nước thải đến hệ thống xử lý nước thải, cụm bể xử lý nước thải của khu vực.
- Hình thức thu gom rác thải: Đối với khu quy hoạch xây dựng công trình hành chính thì sử dụng thùng chứa rác đặt tại từng công trình. Đối với các nhà xưởng, kho lưu trữ.. sẽ đặt các thùng chứa rác tại những vị trí thích hợp và được đưa về bãi tập kết rác thải tập trung của khu vực lập quy hoạch, để phân loại rác thải và xử lý.

##### **b) Mạng lưới thoát nước thải**

- Đường ống: Dùng cống với đường kính ống tối thiểu là  $D = 110\text{mm}$ . Chiều sâu chôn cống tối thiểu là 0,5m khi ở trên lề đường và 0,7m khi cống đi ngang đường tính từ mặt đất đến đỉnh cống. Hố ga: Khoảng cách trung bình giữa các hố ga là 30m.
- Xử lý nước thải: Nước thải sau khi thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải, cụm bể xử lý nước thải tập chung và được xử lý đến giới hạn ô nhiễm cho phép trong tiêu chuẩn thải nước thải TCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

#### **7.8. Đánh giá môi trường chiến lược:**

Thiết kế hệ thống thu gom nước rỉ rác tại các ô chôn lấp và xử lý các loại nước rỉ rác, nước thải phát sinh đảm bảo loại A của các quy chuẩn tương ứng loại nước thải, trước khi xả ra hồ chứa và nguồn tiếp nhận. Đảm bảo khu tiếp nhận không rò rỉ nước rỉ rác, có phương án dự phòng trong trường hợp sự cố.

Trồng cây xanh cách ly trong dự án đảm bảo quy định. Thực hiện chương trình giám sát chất lượng nước mặt tại các hồ thu nước mưa, hồ chứa nước sau xử lý và giám sát chất lượng nước ngầm của khu vực dự án, giám sát chất lượng không khí tại khu vực bãi chôn lấp.

**8. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:** Được ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Công ty TNHH Môi trường Sông Công phối hợp với phòng Quản lý Đô thị và các cơ quan chức năng tổ chức công bố quy hoạch, phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Tổ chức quản lý việc thực hiện lập dự án thành phần theo quy hoạch được duyệt và theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh văn phòng HĐND-UBND thành phố, trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các xã Tân Quang, Bá Xuyên, Công ty TNHH Môi trường Sông Công và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, QLĐT, 08b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Khôi**